

Số: 24/2026/DS-ST

Ngày: 20/7/2026

Về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CÔNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – PHÚ THỌ**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Xuân Nguyên và ông Nguyễn Quang Hiếu.

Thư ký tòa án ghi biên bản: Bà Nguyễn Thanh Uyên – Thư ký viên Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Phú Thọ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 326/2026/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2026/QĐXX-DS ngày 25 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Quyết T**, sinh năm 1955; Địa chỉ: **Ngõ A, số nhà A, phố Ô, tổ A (nay là tổ dân phố số C), phường H, tỉnh Phú Thọ**.

2. Bị đơn: Ông **Hoàng Cao P**, sinh năm 1977; Nơi ĐKKHKT: **Khu E, (thị trấn C cũ), xã C, tỉnh Phú Thọ**; Chỗ ở hiện nay: **Khu G (nay là Thôn G), xã C, tỉnh Phú Thọ**.

(Ông **T** và anh **P** có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn – ông Nguyễn Quyết T trình bày:

Ông **Nguyễn Quyết T** có sinh sống tại địa bàn **thị trấn C, huyện C, tỉnh Hòa Bình (nay là xã C, tỉnh Phú Thọ)** và có quen biết xã hội với anh **Hoàng Cao P**. Vào năm 2019-2020, do điều kiện khó khăn, anh **P** có vay tiền của ông **T** qua nhiều lần, tổng số tiền là 201.000.000đ (*Hai trăm linh một triệu đồng*), cụ thể thể hiện tại các

giấy vay tiền: Ngày 01/02/2019 vay số tiền là 15.000.000 đồng, lãi suất 0,43%/tháng; Ngày 04/4/2019 vay số tiền là 25.000.000 đồng, lãi suất 0,4%/tháng; Ngày 05/5/2019 vay số tiền là 45.000.000 đồng, lãi suất 0,4%/tháng; Ngày 05/7/2019 vay số tiền là 60.000.000 đồng, lãi suất 0,4%/tháng; Ngày 25/8/2019 vay số tiền là 20.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng; Ngày 05/9/2019 vay số tiền là 15.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng; Ngày 17/12/2019 vay số tiền là 3.000.000 đồng, lãi suất 0,4%/tháng; Ngày 24/01/2020 vay số tiền là 18.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng.

Các lần vay tiền giữa ông T và anh P đều lập giấy vay tiền và có chữ ký xác nhận của anh P. Thời điểm vay, hai bên có thỏa thuận lãi suất với nhau, hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng, về lãi suất thỏa thuận miệng từng lần cụ thể như thế nào do đã lâu nên ông T không nhớ rõ. Thời hạn thỏa thuận thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày vay anh P phải thanh toán đủ. Quá trình vay tiền anh P đã trả cho ông T số tiền lãi, ông T không nhớ cụ thể số tiền lãi anh P đã trả cho ông là bao nhiêu, nhưng anh P chưa trả cho ông số tiền nợ gốc nào đối với các khoản vay trên.

Ngày 15/12/2020 ông T xác nhận có ủy quyền theo Hợp đồng ủy quyền số 1112HĐUQ/TN-NQT/20 cho Công ty Đ, với nội dung ủy quyền cho phía Công ty Đ thay mặt ông đòi số nợ 201.00.000 đồng từ phía anh P. Tuy nhiên, phía Công ty Đ không đòi nợ được tiền từ phía anh P. Sau khi ủy quyền ông T không nhận được bất kỳ số tiền nào từ phía Công ty Đ đòi nợ của anh P trả lại cho ông.

Ngày 04/3/2020, anh P thừa nhận ông và anh P đã ngồi lại với nhau để chốt lại số tiền nợ gốc và lãi. Ông T thừa nhận giọng nói tại USB file video có tiếng ghi lại cuộc nói chuyện ngày 04/3/2020 là giọng nói của ông và anh P trao đổi. Ông T cũng khẳng định tại mặt sau của giấy vay tiền gốc đề ngày 05/7/2019 ghi nội dung “*Hôm nay ngày mùng 04/3/2020 P trả nợ cũ. Tổng nợ 98.000.000 đồng + lãi đến tháng 02/2020 là 23.000.000 đồng. Tổng gốc và lãi là 121.000.000 đồng, Một trăm hai một triệu đồng*” là chữ viết của ông. Ông thừa nhận số tiền 201 triệu đồng ông yêu cầu anh P thanh toán bao gồm số nợ gốc là 98 triệu đồng như nội dung file video thể hiện và 103 triệu đồng còn lại là số tiền lãi. Tuy nhiên hai bên đã thống nhất chuyển số tiền 103 triệu đồng tiền lãi anh P không thanh toán được thành số tiền nợ gốc.

Nay ông T đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Hoàng Cao P phải trả cho ông tổng số tiền là 201.000.000đ (*Hai trăm linh một triệu đồng*) nợ gốc. Ông T không yêu cầu anh P thanh toán tiền lãi.

2. Quá trình giải quyết vụ án tại biên bản lấy lời khai, bị đơn – anh Hoàng Cao P trình bày:

Anh và ông Nguyễn Quyết T có mối quan hệ quen biết xã hội do thời điểm này ông T có sinh sống tại địa bàn thị trấn C, huyện C, tỉnh Hòa Bình. Khoảng năm 2019-2020, do điều kiện khó khăn nên anh có vay tiền của ông T qua nhiều lần,

tổng số tiền vay của ông **Nguyễn Quyết T** là 98.000.000đ (*Chín mươi tám triệu đồng*).

Khoảng gần tết năm 2021, anh **P** có trả cho ông **T** số tiền là 5.000.000đ (năm triệu đồng), bằng hình thức chuyển khoản, qua tài khoản Ngân hàng của ông **T** nhưng không nhớ cụ thể thời gian, số tài khoản chuyển như thế nào.

Đến khoảng tháng 7/2021, anh có làm nghề chạy xe taxi tại Hà Nội thì có đại diện của **Công ty Cổ phần Đ** đến gặp **P** và yêu cầu anh trả tiền cho ông **T** theo Hợp đồng ủy quyền số 1112HĐUQ/TN-NQT/20 ngày 15/12/2020 giữa ông **Nguyễn Quyết T** với **Công ty cổ phần Đ**. Anh khẳng định có trả cho **Công ty Đ** 02 lần tổng số tiền là 62.000.000 đồng. Cụ thể: Lần 1 trả số tiền 35.000.000 đồng và lần 2 trả số tiền là 27.000.000 đồng. Việc trả nợ do ông bị đe dọa nên ông đưa tiền mặt cho phía đại diện **Công ty Đ** và không có giấy giao nhận tiền. Do vậy đến nay anh **P** xác nhận chỉ còn nợ ông **T** số tiền là 31.000.000 đồng.

Anh **P** xác nhận trước đây có vay tiền của ông **T** nhưng chỉ vay tổng số tiền 98.000.000 đồng chứ không phải 201.000.000 đồng nợ gốc như ông **T** trình bày. Anh **P** xác nhận các giấy vay nợ ông **T** cung cấp là chữ ký của anh **P**. Các lần vay sau cộng dồn lần trước và ông **T** không hủy giấy vay cũ nên mới có các giấy nợ như vậy. Bản chất anh **P** chỉ vay của ông **T** tổng số tiền là 98 triệu đồng nợ gốc. Đối với số tiền nợ lãi anh đã thanh toán cho ông **T** nhưng không nhớ cụ thể số tiền đã thanh toán.

Ngày 04/3/2020, giữa anh và ông **T** đã ngồi lại với nhau để chốt lại số tiền nợ gốc và lãi. Anh có trực tiếp sử dụng điện thoại để ghi lại video cuộc nói chuyện giữa hai bên và tại mặt sau của giấy vay tiền đề ngày 05/7/2019 chữ viết của ông **T** có ghi “*Hôm nay ngày mùng 04/3/2020 **P** trả nợ cũ. Tổng nợ 98.000.000 đồng + lãi đến tháng 02/2020 là 23.000.000 đồng. Tổng gốc và lãi là 121.000.000 đồng, Một trăm hai mươi triệu đồng*” là nội dung trao đổi tại ngày 04/3/2020 tại **file U** đã giao nộp.

Nay ông **T** đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh **P** phải trả cho ông **T** số tiền 201.000.000 đồng quan điểm của anh không đồng ý. Anh chỉ đồng ý số tiền nợ gốc anh nợ ông **T** là 98.000.000 đồng, đã thanh toán 5.000.000 đồng cho ông **T** qua hình thức chuyển tiền khoảng năm 2021 và 62.000.000 đồng thông qua **Công ty Đ**, nay chỉ đồng ý thanh toán cho ông **T** số tiền 31.000.000 đồng nợ gốc.

3. Những nội dung đã thống nhất, không thống nhất:

/ Nội dung thống nhất:* Đối với 08 Giấy vay tiền bản gốc mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án, anh **P đều xác nhận đúng chữ ký, chữ viết của mình.

Hai bên nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận có cùng nhau lập Giấy vay tiền có thực hiện việc vay tiền.

**/ Nội dung không thống nhất:*

- Ông **T** đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh **Hoàng Cao P** phải trả cho tôi tổng số tiền là 201.000.000đ (*Hai trăm linh một triệu đồng*). Ông **T** không yêu cầu anh **P** trả tiền lãi suất.

- Anh **P** không đồng ý với một phần nội dung yêu cầu khởi kiện của ông **T**, anh **P** chỉ đồng ý trả cho ông **T** số tiền 31 triệu đồng, vì lý do: Số tiền vay gốc mà anh **P** được nhận thực tế là 98 triệu đồng chứ không đúng như số tiền thể hiện tại các giấy vay tiền là 201.000.000 đồng. Ngày 04/3/2020, giữa ông **T** và anh **P** đã thống nhất chốt số tiền nợ gốc và lãi thể hiện tại mặt sau của giấy vay tiền đề ngày 05/7/2019 thì mặt sau giấy vay tiền có ghi nội dung “*Hôm nay ngày mừng 04/3/2020 P trả nợ cũ. Tổng nợ 98.000.000 đồng + lãi đến tháng 02/2020 là 23.000.000 đồng. Tổng gốc và lãi là 121.000.000 đồng, Một trăm hai một triệu đồng*”. Khoảng tháng 7/2021, anh **P** đã trả **62 triệu đồng** cho Công ty đòi nợ Thành Nam do ông **Thành ủy Q** đề đòi nợ anh **P** và đã trả **5 triệu đồng cho ông T qua việc chuyển khoản**. Đến nay anh **P** chỉ còn nợ ông **T** tổng số tiền là 31 triệu đồng.

- Ông **T** cho rằng: Ông **T** xác nhận có ủy quyền cho phía **Công ty Đ** thay mặt ông đòi nợ từ phía anh **P**. Tuy nhiên, phía **Công ty Đ** không đòi nợ được tiền từ phía anh **P**. Nội dung tại file video có tiếng ghi lại cuộc nói chuyện ngày 04/3/2020 giữa hai bên là do thời điểm đó ông **T** chưa tìm đủ được 08 giấy nợ nên mới xác nhận thống nhất của với anh **P** là số tiền gốc là 98 triệu gốc, lãi là 23 triệu đồng. Còn sau này khi tôi tìm đủ giấy tờ nợ gốc thì anh **P** nợ tôi số tiền là 201 triệu đồng chứ không phải là 98 triệu đồng. Đối với mặt sau của giấy vay tiền đề ngày 05/7/2019 thì mặt sau giấy vay tiền có ghi nội dung “*Hôm nay ngày mừng 04/3/2020 P trả nợ cũ. Tổng nợ 98.000.000 đồng + lãi đến tháng 02/2020 là 23.000.000 đồng. Tổng gốc và lãi là 121.000.000 đồng, Một trăm hai một triệu đồng*”, ông **T** xác nhận đúng chữ viết của ông **T** viết. Nay ông **T** đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh **Hoàng Cao P** phải trả cho tôi tổng số tiền là 201.000.000đ (*Hai trăm linh một triệu đồng*). Ông **T** không yêu cầu anh **P** trả tiền lãi suất.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:** Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều **70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự**.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 117, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều **26, 35, 39, 91, 94, 97, 147, 244** BLTTDS 2015, Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 31/12/2016 của UBTVQH; Tuyên: **Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Nguyễn Quyết T, cụ thể:** Buộc anh **Hoàng Cao P** phải thanh toán cho ông **Nguyễn Quyết T** số tiền nợ là 98.000.000đ (*Chín mươi tám triệu đồng*). Đối với tiền lãi do ông **Nguyễn Quyết T** không yêu cầu thanh toán tiền lãi nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị tuyên anh **Hoàng Cao P** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định; Ông **Nguyễn Quyết T** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do được miễn án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong Hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về tố tụng:

Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đều hợp pháp.

Ông **Nguyễn Quyết T** khởi kiện vụ án tranh chấp về **K** đòi nợ; Phía Bị đơn - anh **Hoàng Cao P** có Nơi ĐKTT: **Khu E (thị trấn C cũ), xã C, tỉnh Phú Thọ**; Chỗ ở hiện nay: **Khu G (nay là Thôn G), xã C, tỉnh Phú Thọ**. Căn cứ khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Phú Thọ.

Về phạm vi khởi kiện: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về Kiện đòi nợ (tiền) giữa hai bên, buộc bị đơn trả toàn bộ số tiền đã nợ theo giấy vay nợ đã ký kết, nên quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

Về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng: Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; các tài liệu, chứng cứ do các bên cung cấp đã được Tòa án tiếp nhận, quản lý và công khai theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận: Giữa ông **Nguyễn Quyết T** và anh **Hoàng Cao P** có xác lập quan hệ vay nợ. Đối với 08 Giấy vay tiền bản gốc do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án, bị đơn anh **Hoàng Cao P** đều xác nhận đúng chữ ký của mình. Bên cạnh đó, phía bị đơn có cung cấp 01 thiết bị lưu trữ (USB) ghi âm/ghi hình lại cuộc nói chuyện ngày 04/3/2020 thể hiện nội dung tại mặt sau của Giấy vay tiền đề ngày 05/7/2019 có ghi: “*Hôm nay ngày mùng 04/3/2020 **P** trả nợ cũ. Tổng nợ 98.000.000 đồng + lãi đến tháng 02/2020 là 23.000.000 đồng. Tổng gốc và lãi là 121.000.000 đồng, Một trăm hai một triệu đồng*”.

Do đó, đây là các tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và quan điểm, ý kiến của bị đơn thấy rằng: Nguyên đơn - ông **Nguyễn Quyết T** yêu cầu bị đơn - anh **Hoàng Cao P** phải trả tổng số tiền nợ gốc là 201.000.000 đồng theo 08 Giấy vay tiền; ông **T** không yêu cầu tính lãi suất.

Anh **Hoàng Cao P** không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện đòi tiền của nguyên đơn, anh **P** chỉ đồng ý thanh toán số tiền 31.000.000 đồng vì cho rằng: Vào ngày 04/3/2020, hai bên đã chốt lại số nợ gốc thực tế là 98.000.000 đồng và tiền lãi là 23.000.000 đồng (Tổng cộng là 121.000.000 đồng), nội dung này được ghi tại mặt sau của Giấy vay tiền đề ngày 05/7/2019. Sau đó, anh **P** đã trả cho **Công ty Đ** (Công ty được ông **Thành ủy Q** theo Hợp đồng ủy quyền số 1112HĐUQ/TN-NQT/20 ngày 15/12/2020) số tiền 67.000.000 đồng tiền mặt. Nên hiện tại anh **P** chỉ còn nợ ông **T** số tiền 31.000.000 đồng. Do đó chỉ đồng ý thanh toán số tiền 31.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Thứ nhất, về số nợ gốc được xác định giữa hai bên: Mặc dù nguyên đơn cung cấp 08 Giấy vay tiền thể hiện tổng số tiền là 201.000.000 đồng, tuy nhiên, tại mặt sau của Giấy vay tiền đề ngày 05/7/2019 có ghi nội dung: “Hôm nay ngày mùng 04/3/2020 **P** trả nợ cũ. Tổng nợ 98.000.000 đồng + lãi đến tháng 02/2020 là 23.000.000 đồng. Tổng gốc và lãi là 121.000.000 đồng, Một trăm hai một triệu đồng”. Quá trình tố tụng, ông **T** xác nhận nội dung và chữ viết nêu trên chính là chữ viết của ông **T**. Đồng thời, phía bị đơn có cung cấp 01 thiết bị lưu trữ (USB) ghi âm/ghi hình lại cuộc nói chuyện ngày 04/3/2020 thể hiện nội dung chốt nợ phù hợp với chứng cứ viết tay nêu trên. Lời trình bày của ông **T** thừa nhận số tiền 201 triệu đồng ông yêu cầu anh **P** thanh toán bao gồm số nợ gốc là 98 triệu đồng như nội dung file video thể hiện và 103 triệu đồng còn lại là số tiền lãi, số tiền lãi này do anh **P** không thanh toán được hai bên đã thống nhất chuyển thành số tiền nợ gốc. Tuy nhiên, anh **P** không thừa nhận, bản thân ông **T** không đưa ra được căn cứ chứng minh cho thỏa thuận **nêu** trên. Mặt khác ông **T** khẳng định việc chốt nợ vào ngày 04/3/2020 là tự nguyện, tự định đoạt của các bên tính đến thời điểm đó, sau đó giữa hai bên không thực hiện khoản vay nợ nào khác. Do vậy, có đủ căn cứ xác định tính đến ngày 04/3/2020, số tiền nợ gốc thực tế giữa ông **T** và anh **P** là 98.000.000 đồng.

- Thứ hai, đối với số tiền 67.000.000 đồng bị đơn – anh **P** cho rằng đã thanh toán: Anh **Hoàng Cao P** trình bày đã trả cho đại diện **Công ty Đ** (theo Hợp đồng ủy quyền số 1112HĐUQ/TN-NQT/20 ngày 15/12/2020 của ông **T**) số tiền **62.000.000 đồng tiền mặt và 5tr tiền chuyển khoản**. Phía ông **T** xác nhận có ủy quyền cho **Công ty Đ** nhưng khẳng định công ty này chưa đòi được tiền. Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu, phản đối của mình là có căn cứ. Quá trình giao nhận tiền mặt giữa anh **P** và đại diện **Công ty Đ** không được các bên lập biên bản, anh **P** cũng không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ hợp pháp nào chứng minh cho việc đã trả số tiền 67.000.000 đồng nêu trên. Do đó, không có cơ sở để Hội đồng xét xử khấu trừ số tiền 67.000.000 đồng này.

Từ những nhận định, căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông Nguyễn Quyết T, xác định số tiền anh Hoàng Cao P còn nợ của ông Nguyễn Quyết T không phải là 201 triệu đồng mà là 98 triệu đồng, cần buộc ông Hoàng Cao P phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho ông T số tiền nợ gốc là 98.000.000đ (*Chín mươi tám triệu đồng*).

[2.3] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Nguyễn Quyết T có quan điểm không yêu cầu anh Hoàng Cao P phải thanh toán tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn - ông Nguyễn Quyết T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận. Tuy nhiên, do ông T là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, do đó ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn - anh Hoàng Cao P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 94 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các điều 117, 385, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông Nguyễn Quyết T đối với bị đơn - anh Hoàng Cao P về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

Buộc anh Hoàng Cao P có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Quyết T số tiền nợ là 98.000.000đ (*Chín mươi tám triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Buộc bị đơn - anh Hoàng Cao P phải chịu 4.900.000đ (*Bốn triệu chín trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn ông **Nguyễn Quyết T** được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND Khu vực 12 – Phú Thọ;
- Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Quỳnh Anh